

# NHẬN DIỆN VÀ ĐẤU TRANH VỚI ÂM MƯU LỢI DỤNG VẤN ĐỀ DÂN TỘC ĐỂ CHIA RẼ KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT Ở AN GIANG HIỆN NAY

★ ThS NGUYỄN THÀNH NHÂN

*Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn,  
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh*

● **Tóm tắt:** Tỉnh An Giang thuộc đồng bằng sông Cửu Long, có nhiều dân tộc cùng sinh sống và có đông đồng bào theo các tôn giáo, có đường biên giới với Campuchia. Lợi dụng những vấn đề liên quan đến dân tộc, các thế lực phản động, thù địch thực hiện âm mưu gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Bài viết góp phần nhận diện những âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, phản động, nêu những luận cứ phân bác, đấu tranh và đề xuất giải pháp tăng cường đấu tranh trong thời gian tới.

● **Từ khóa:** vấn đề dân tộc; An Giang; đoàn kết dân tộc.

## Identifying and combating the schemes of exploiting ethnic issues to divide national unity in An Giang province today

● **Abstract:** An Giang province, located in the Mekong Delta, is home to many ethnic groups and a large number of people of various religions, and shares a border with Cambodia. Taking advantage of issues related to ethnicity, reactionary and hostile forces are plotting to divide national unity. This article contributes to identifying the subversive schemes and tactics of hostile and reactionary forces, presents counterarguments, combats these schemes, and proposes solutions to strengthen the struggle in the future.

● **Keywords:** Ethnic issues; An Giang; national unity.

### 1. Mở đầu

Tỉnh An Giang sau khi sắp xếp tháng 7-2025 có diện tích 9.888,91km<sup>2</sup>, dân số 4.952.238 người (Quốc hội, 2025), là tỉnh có dân số, diện tích lớn nhất đồng bằng sông Cửu Long; có 102 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 85 xã, 14 phường và 3 đặc khu). Tỉnh có vị trí địa chiến lược đặc biệt quan trọng, có vùng biển rộng, đường bờ biển dài, tuyến biên giới

với Campuchia trên 154,8km. Có 29 dân tộc cùng sinh sống, trong đó có bốn dân tộc chủ yếu là Kinh, Khmer, Hoa, Chăm.

Trong các giai đoạn lịch sử, các thế lực thù địch, phản động thường xuyên lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, nhằm chia rẽ, phá hoại khối đoàn kết toàn dân, để chống phá cách mạng giải phóng dân tộc và công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa của nhân

dân ta. Do vậy, đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc, bóp méo vấn đề lịch sử vùng đất, dân tộc, tôn giáo là nhiệm vụ vừa cấp bách vừa thường xuyên lâu dài.

Bài viết góp phần nhận diện, vạch trần những âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch và chỉ ra những luận cứ, góp phần đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc vấn đề lịch sử vùng đất, dân tộc trên địa bàn tỉnh An Giang, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, giữ vững khối đại đoàn kết dân tộc.

## 2. Nội dung

### 2.1. Phản bác âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề lịch sử vùng đất, quan hệ dân tộc trên địa bàn tỉnh An Giang

An Giang với đặc điểm có đông đồng bào Khmer sinh sống dọc biên giới với Campuchia, có các khu di tích khảo cổ Óc Eo - Ba Thê,... trong những năm qua, các thế lực thù địch, phản động nước ngoài cấu kết với các phần tử chống phá trong nước lợi dụng các vấn đề lịch sử gắn với yếu tố dân tộc để xuyên tạc, kích động hận thù, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Chúng xuyên tạc hòng gây nhận thức, tư tưởng sai lệch trong đồng bào các dân tộc rằng “vùng đất An Giang thuộc vùng đất Nam Bộ là đất của Campuchia bị Việt Nam chiếm”, “văn hóa Óc Eo là tiền thân của văn hóa Ăngko của người Khmer”, chúng tuyên truyền kích động trong đồng bào Khmer An Giang về “ngày mất đất 04-6” (ngày 4-6-1949 Tổng thống Pháp Vincent Aurot ký Sắc luật số 49-733 trả lại Nam Kỳ cho “Nhà nước liên hiệp Việt Nam”), “đòi đất Nam Bộ”, chúng còn kích động đòi thành lập cái gọi là “nhà nước Khmer Kampuchea Krom tự trị trên vùng đất Nam Bộ” trong đó có tỉnh An Giang. Chúng lợi dụng hậu quả của các thủ đoạn “chia để trị đồng bào Khmer và Việt”

mà thực dân Pháp, đế quốc Mỹ đã thực hiện trong quá khứ để xuyên tạc lịch sử, chia rẽ khối đoàn kết các dân tộc, giữa đồng bào Khmer và Kinh. Chúng lợi dụng tình hình đời sống của một bộ phận đồng bào dân tộc còn khó khăn để xuyên tạc rằng đồng bào bị “phân biệt đối xử”, bị “hạn chế phát triển văn hóa - xã hội”. Chúng vừa ra sức tuyên truyền xuyên tạc vừa thực hiện các thủ đoạn mua chuộc, lôi kéo nhằm chia rẽ tình đoàn kết, gây hiềm khích giữa đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

Cơ sở để đấu tranh, phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc vấn đề dân tộc, bác bỏ những luận điệu xuyên tạc, kích động chia rẽ khối đoàn kết giữa các dân tộc, đó là các tư liệu lịch sử, cơ sở lịch sử pháp lý và thực tiễn sinh động công tác dân tộc, tôn giáo hiện nay.

*Thứ nhất, căn cứ lịch sử, lập luận bác bỏ các luận điệu xuyên tạc liên quan lịch sử vùng đất An Giang thuộc Nam Bộ Việt Nam và văn hóa Óc Eo, cần khẳng định những điểm chính về 3 thời kỳ lịch sử:*

*Vùng đất Nam Bộ dưới thời Phù Nam:* Vùng đất Nam Bộ xưa là trung tâm của nước Phù Nam (thế kỷ I - VII). Di vật thuộc văn hóa Óc Eo là di tích văn hóa vật thể của nước Phù Nam. Phù Nam là sự tập hợp các tiểu quốc. Chân Lạp là một thuộc quốc của đế chế Phù Nam rộng lớn lúc bấy giờ (bao gồm toàn bộ phần phía Nam bán đảo Đông Dương: Nam Bộ Việt Nam, Campuchia, một phần Nam Lào).

*Vùng đất Nam Bộ dưới thời Chân Lạp:* Chân Lạp đã chiếm vùng đất Nam Bộ bằng cách gây chiến tranh với Phù Nam (đầu thế kỷ VII). Vùng đất Nam Bộ xưa được gọi là Thủy Chân Lạp để phân biệt với vùng đất gốc Lục Chân Lạp của người Khmer gắn với văn hóa Ăngko.

Từ nửa sau thế kỷ VIII đến năm 802, cũng bằng chiến tranh, vùng đất Nam Bộ và cả nước

Châp Lạp nằm dưới quyền kiểm soát của nước Srivijaya của người Java-Indonesia. Do phải lo phát triển vùng đất gốc Lục Chân Lạp, chiến tranh với Chămpa, đối phó với Xiêm, nên vùng đất Nam Bộ xưa hầu như không được Chân Lạp quan tâm quản lý, khai phá (Lương Ninh và cộng sự, 2005, tr.45-47).

*Vùng đất Nam Bộ Việt Nam:* Ở các thế kỷ XVI- XVIII, Chân Lạp ngày càng suy yếu, cư dân thưa thớt. Sự trù phú của vùng đất Nam Bộ là công lao khai phá của các nhóm cư dân chủ yếu là người Việt từ thế kỷ XVII cùng với người Khmer, người Chăm, người Hoa.

Vùng Thủy Chân Lạp tuy xưa kia là trung tâm của nước Phù Nam nhưng không có điều kiện để quản lý và khai thác, nên vẫn là vùng ngập nước, sinh lầy, hoang hóa. Trong tình thế chiến tranh với Đàng Ngoài, nhiều dân nghèo ở Bắc Thuận Hóa tìm cách chạy vào Chân Lạp khai hoang lập làng sinh sống. Nhân cơ hội đó, Nguyễn Phúc Nguyên, năm 1620 đã đặt quan hệ thân thiện với vua Chân Lạp là Châychita và yêu cầu cho phép cư dân Việt được vào Thủy Chân Lạp buôn bán và khai hoang lập làng. Vua Chân Lạp đã chấp thuận. Nhiều làng Việt đã ra đời ở Mô Xoài, Đồng Nai. Làn sóng di dân tiếp tục tràn vào trong các thập kỷ sau.

Giữa thế kỷ XVII nhà Minh đổ, trên 5.000 quan lại và binh sĩ, cư dân Trung Quốc không chịu theo nhà Thanh, đã dong thuyền vào Nam, cập bến Đà Nẵng, xin chúa Nguyễn cho nhập cư ở vùng đất Đông Phố (sau là Gia Định). Cùng với di dân Việt, dân “Minh hương” mở rộng dần vùng đất khai hoang ra các nơi phụ cận Sài Gòn lập nên nhiều làng mạc phố xá. Năm 1688, phó tướng nhà Minh là Hoàng Tiến nổi loạn ở Mỹ Tho, giết chủ là Dương Ngạn Địch, đắp lũy đóng thuyền chiến, uy hiếp vua Chân Lạp, chống lại nhà Nguyễn. Nhận lời yêu

cầu của vua Chân Lạp, chúa Nguyễn sai tướng đem quân đánh bại Hoàng Tiến và làm chủ đất Đông Phố.

Vào khoảng năm 1680, một người nhà Minh là Mạc Cửu cùng họ hàng gia đình chạy sang Phnôm-pên xin trú ngụ. Vua Chân Lạp phong Mạc Cửu làm Ôc nha đất Sài Mạt (Tây Thủy Chân Lạp). Mạc Cửu mộ thêm di dân Việt đến đây khai phá đất hoang, lập thành làng mạc rồi xin thần phục chúa Nguyễn. Trấn Hà Tiên được thành lập (Trương Hữu Quỳnh và cộng sự, 2009, tr.346).

Năm 1735, Mạc Cửu qua đời, Mạc Thiên Tứ dâng biểu về Huế báo tin và được phong làm Tổng binh Đại Đô đốc trấn Hà Tiên, giao quyền rộng hơn. Mạc Thiên Tứ tiếp tục sự nghiệp của cha (Sơn Nam, 2006), tr.45-46).

Đến năm 1757, khi đất Tầm Phong Long (trung úng vùng Tứ Giác Long Xuyên) được vua Chân Lạp là Nặc Tôn dâng cho chúa Nguyễn để đền ơn giúp giành lại ngôi vua, quá trình xác lập chủ quyền lãnh thổ của người Việt trên vùng đất Nam Bộ cơ bản đã hoàn thành. Chúa Nguyễn bảo hộ cho quá trình khai phá vùng đất Nam Bộ, nên khẳng định quyền quản lý lãnh thổ đối với vùng đất này là một hệ quả tự nhiên.

Quá trình xác lập chủ quyền vùng đất Nam Bộ của chúa Nguyễn chủ yếu thông qua khai phá hòa bình kết hợp với đàm phán ngoại giao, là phương thức phù hợp với thông lệ lịch sử và các văn bản quốc tế.

Sau năm 1774, tổ chức hành chính của Việt Nam (đơn vị hành chính, quan cai trị, sổ sách quản lý dân, ruộng đất và thuế) trên vùng đất Nam Bộ đã được xác lập và kiện toàn.

Bộ luật số 49-733 ngày 4-6-1949 của Pháp trao trả lại Nam Kỳ cho “Nhà nước liên hiệp Việt Nam” và công nhận sự thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, cùng với các Hiệp

ước An Nam nhượng cho Pháp các tỉnh Nam Kỳ (Hòa ước Nhâm Tuất năm 1862, Hòa ước Giáp Tuất năm 1874). Hiệp ước tháng 12-1845 của ba nước Đại Nam (Việt Nam), Xiêm (Thái Lan) và Miên (Campuchia) thừa nhận 6 tỉnh Nam Kỳ thuộc Việt Nam. Năm 1889, Pháp và Campuchia đã ký một loạt các văn bản pháp lý về hoạch định phân giới cắm mốc biên giới giữa Nam Kỳ và Campuchia, khẳng định vùng Nam Kỳ thuộc Việt Nam. Hiệp định Gonevor năm 1954; Hiệp định Paris năm 1973,... tất cả đều là những văn bản có giá trị pháp lý quốc tế, khẳng định vùng đất Nam Bộ (trong đó có An Giang) thuộc chủ quyền của Việt Nam.

*Thứ hai, lịch sử tự cư và thực tiễn quá trình đoàn kết đấu tranh chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc là minh chứng bác bỏ các luận điệu lợi dụng những vấn đề lịch sử để xuyên tạc, kích động, gây chia rẽ khối đoàn kết các dân tộc*

Trên vùng đất An Giang, đồng bào Kinh, Khmer, Hoa, Chăm đoàn kết, cùng nhau chinh phục thiên nhiên, khai hoang mở đất, chống ngoại xâm từ bao đời nay. Người Khmer sớm di cư đến vùng đất An Giang. Thế kỷ XIII, Vương quốc Chân Lạp (Campuchia) suy yếu luôn chịu sự tấn công, uy hiếp của vương triều Ayuthaya (Xiêm - Thái Lan), đến nỗi họ phải rời bỏ kinh đô Xiêm Riệp. Thế kỷ XIV, có những dòng di cư của sư sãi, quan chức, dân thường tránh loạn lạc, chiến tranh, theo sông Mê Kông từ Lục Chân Lạp đến vùng đất Nam Bộ. Nhiều người Khmer dừng lại sinh sống ở những giồng đất cao của đồng bằng Nam Bộ. Trong đó có vùng Bảy Núi và phía Tây Bắc Hà Tiên (các núi dọc biên giới Campuchia thuộc dãy Bảy Núi và một số núi nhỏ khác như: núi Sập, núi Ba Thê và núi đá vôi chạy dài theo vịnh Thái Lan thuộc vùng Hà Tiên), hình thành nên cộng đồng người Khmer ở tỉnh An Giang ngày nay.

Người Việt di cư vào vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỷ XVII. Sau cuộc hôn nhân của công nữ Ngọc Vạn và vua Chey Chetta II của Vương quốc Chân Lạp, năm 1620, làn sóng di dân diễn ra mạnh mẽ hơn, người Việt đã có mặt trên nhiều vùng đất thuộc miền Đông Nam Bộ. Nhiều người Việt đã dừng chân ở vùng đất An Giang khai phá và hình thành những cụm dân cư,...

Người Hoa đến An Giang cũng vào cuối thế kỷ XVII, cùng những cư dân tại chỗ khai phá, xây dựng thành một trung tâm phát triển sầm uất. Người Hoa ở Hà Tiên và một bộ phận người Hoa ở Mỹ Tho tiếp tục di cư sâu vào bên trong An Giang.

Người Chăm đến An Giang muộn hơn người Việt. Năm 1757, Nguyễn Cư Trinh đã quan tâm xây đồn lũy ở đạo Châu Đốc và chiêu mộ người Côn Man (người Chăm Islam di cư sang Chân Lạp) về trấn giữ biên thù. Từ nhóm người Chăm đầu tiên ở Châu Đốc thu hút thêm những người anh em của họ ở Chân Lạp theo về trong hai thập niên đầu thế kỷ XIX. Triều Nguyễn thu nhận những người Chăm (có cả người Malaixia) bố trí ở các làng gần Châu Đốc. Đến giữa thế kỷ XIX, người Chăm còn vài đợt di cư về Châu Đốc do bất bình về sự phân biệt đối xử, bị khủng bố của vương triều Chân Lạp, hình thành cộng đồng người Chăm ở An Giang ngày nay.

Từ thời khai mở đất, người Khmer đã đoàn kết cùng với người Việt dưới sự đốc suất của Thoại Ngọc Hầu - Nguyễn Văn Thoại, hàng nghìn người tham gia đắp đập cây cối, đào vét bùn lầy nổi rạch Đông Xuyên với Rạch Giá, hoàn thành con kênh Thoại Hà dài khoảng 30km, rộng gần 30m, sâu gần 2m giúp việc thông thương giữa trấn Hà Tiên và trấn Vĩnh Thanh trở nên dễ dàng. Cuối năm 1819 đến giữa năm 1824, hơn 80.000 người Khmer và Việt đã cùng nhau đào kênh Vĩnh Tế dưới sự chỉ huy

của Thoại Ngọc Hầu. Con kênh nối liền Châu Đốc đến Hà Tiên hoàn thành rộng khoảng 25m, sâu khoảng 3m. Đây là công trình giao thông, thủy lợi lớn nhất ở Nam Bộ vào đầu thế kỷ XIX có tính chiến lược lâu dài cho mục tiêu kinh tế - xã hội và quốc phòng (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang, 2002, tr.15-16).

Trong suốt chiều dài lịch sử, đồng bào Khmer ở An Giang đã cùng với người Việt và các dân tộc đấu tranh chống lại các thế lực ngoại xâm để bảo vệ vùng đất và sự toàn vẹn của Tổ quốc Việt Nam. Đồng bào các dân tộc đã đoàn kết, chấp nhận gian khổ, hy sinh, liên tục đứng lên kiên cường chống ngoại xâm, bảo vệ xóm làng ngay từ những thời kỳ đầu khai hoang mở đất bị quân Xiêm xâm lược. Tích cực tham gia các phong trào khởi nghĩa chống xâm lược trước khi Đảng ra đời của Nguyễn Hữu Huân, Nguyễn Trung Trực, Trần Văn Thành, Ngô Lợi... Sau khi được Đảng giác ngộ, đồng bào theo Đảng đấu tranh, góp phần làm nên thành công Cách mạng Tháng Tám, lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (năm 1945).

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược, mặc dù kẻ thù dùng nhiều thủ đoạn nhằm “chia để trị” như: mộ lính người Khmer vào lực lượng quân sự để đánh người Việt; sử dụng người Khmer làm gián điệp, chỉ điểm, tạo điều kiện cho các tổ chức phản động 3K, Miền khẩn trương hoạt động chống cách mạng, cho lực lượng vũ trang giáo phái vào cướp bóc phum sóc người Khmer vu khống cho người Việt, cho cách mạng; mua chuộc sư sãi, à cha, tuyên truyền kích động người Khmer nổi dậy trả thù,... gây chia rẽ, mâu thuẫn giữa đồng bào Khmer và người Việt khiến cách mạng An Giang gặp rất nhiều khó khăn, gian khổ, hy sinh.

Tuy nhiên, đồng bào Khmer ở An Giang thấy được tính chính nghĩa của kháng chiến, tình đoàn

kết dân tộc, tôn giáo đứng đắn đã tích cực tham gia, ủng hộ kháng chiến. Tiêu biểu như trong năm 1885, dấy lên cuộc khởi nghĩa của Quận Hiêm - nghĩa quân trước kia của Nguyễn Trung Trực. Quận Hiêm liên kết với một số người Khmer và người Hoa ở vùng Kampôt, Kompong Som và được một số người Việt trên địa bàn tham gia hưởng ứng. Cuộc khởi nghĩa kéo dài suốt 3 năm (1885-1887) (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Kiên Giang, 2015, tr.17-18).

Năm 1916, một cuộc khởi nghĩa lớn của người Việt và Khmer được chuẩn bị ở núi Cấm, nhưng đã bị thực dân Pháp phát hiện ra, tiến hành càn quét, triệt hạ chùa Phật Lớn, bắt “ông thầy núi Cấm” mà chúng cho là người cầm đầu (Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh An Giang, 2002, tr.26).

Lập thành tích chào mừng ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đêm 26-4-1947, Chi đội 24 cùng đồng bào Việt và Khmer ở các làng An Hòa, Mong Thọ, Minh Lương, Bàn Tân Định, Thạnh Hòa... của hai quận Châu Thành và Giồng Riềng, tổ chức phá Cầu Quẩn.

Sau hơn một tuần chuẩn bị và chỉ trong một đêm, hơn 30 tấn đất được đồng bào vận chuyển bằng cà vung, chất đầy trên mặt cầu. Mìn nổ, sức nặng và lực cản của lớp đất dày bên trên cùng với sức ép của mìn làm sập cầu. Sau đó, ta phục kích quân Pháp từ chợ Rạch Giá ra giải tỏa, diệt thêm 2 xe và một số quân địch (trong đó có Trưởng phòng Tình báo của tỉnh Rạch Giá) (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Kiên Giang, 2015, tr.170-171).

Nhiều người Khmer trở thành đảng viên, cán bộ gương mẫu trong các tổ chức cách mạng, các đoàn thể cứu quốc. Năm 1948, có 14.300 đồng bào Khmer ở vùng Bảy Núi đã tham gia Hội Liên Việt, nhất là tham gia công tác dân quân. Hội Nông dân cứu quốc có 480 hội viên (năm 1949). Đoàn Thanh niên cứu quốc có 821 đoàn viên. Phụ nữ cứu quốc có 1.237 hội viên. Đoàn

“Dù kê” của người Khmer vừa biểu diễn phục vụ đồng bào, vừa tuyên truyền nhiệm vụ người dân yêu nước, bảo vệ Tổ quốc. Vùng đồng bào Khmer tổ chức được 209 tiểu đội tự vệ. Cuối tháng 7-1953, số đông đồng bào Khmer tham gia các đội du kích xã An Cư, Xuân Tô, Ba Chúc, bảo vệ an ninh trật tự, bảo vệ cán bộ cách mạng, tổ chức đánh địch, thu nhiều thắng lợi, góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân An Giang (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang, 2002, tr.218, 239, 265, 284).

Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đồng bào Khmer trên địa bàn An Giang đã tích cực tham gia kháng chiến, tham gia thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh An Giang và các hoạt động của Mặt trận. Nhiều đồng bào Khmer, trong đó có các sãi trẻ ở chùa Khmer cũng tình nguyện vào du kích, bộ đội huyện, đi dân công... trực tiếp cầm súng tham gia chiến đấu, đấu tranh chống các chính sách phản động của Mỹ - ngụy, tiêu biểu như: Cuộc đấu tranh đầu năm 1955 của hơn 1.000 đồng bào Khmer Tri Tôn, Tịnh Biên do sư sãi, à cha (người hiểu biết sâu rộng kinh Phật và truyền thống) dẫn đầu gặp tỉnh trưởng Châu Đốc tố cáo tội ác và đòi trừng trị bọn lính Ba Cụt, Hai Ngoán cướp bóc, hãm hiếp, đánh đập dân. Cuộc biểu tình đấu tranh của 300 đồng bào Khmer tại Tà Đảnh (Tri Tôn), đòi trả tự do cho 20 người bị bắt (tháng 9-1955). Cuộc đấu tranh do 20 sư sãi, à cha xã Văn Giáo (Tri Tôn) dẫn đầu hơn 200 đồng bào Khmer và Việt, bồng 3 em bé ở phum Tà Tung bị pháo địch bắn bị thương, kéo ra căn cứ Núi Đất (Tịnh Biên) đấu tranh, tố cáo tội ác của Mỹ-ngụy (ngày 15-10-1964). Trên 400 đồng bào Khmer Ô Lâm, An Tức (Tri Tôn) đấu tranh chống khủng bố, đòi Mỹ rút về nước (ngày 29-

4-1965). Ngày 12-10-1965, hơn 300 sư sãi Khmer và nhân dân ở các huyện Gò Quao, Giồng Riềng kéo ra thị xã Rạch Giá đấu tranh với địch, đòi bồi thường tính mạng và tài sản bị thiệt hại do địch bắn pháo, ném bom vào khu vực chùa Thanh Gia, làm chết và bị thương hơn 200 người, trong đó có sãi cả Danh Kim, trụ trì chùa. Riêng Hội Phụ nữ và Ban Khmer vận của tỉnh phối hợp với các địa phương huy động hàng nghìn người, phần lớn là phụ nữ ở 2 huyện Gò Quao và Giồng Riềng; cùng các sư sãi kéo ra tỉnh. Đồng bào Châu Thành và vùng ven thị xã Rạch Giá đã kịp thời hưởng ứng, tham gia đoàn đấu tranh trong 2 ngày, 15 và 16-11-1965. Trước tội ác không thể chối cãi và sự căm phẫn của quần chúng, địch buộc phải chấp nhận bồi thường.

Ngày 5-6-1974, địch vây ráp các chùa Cà Lang Ông, Cà Lang Muong và Cù Là, bắt 20 sư sãi Khmer đi quân dịch. Hơn 200 đồng bào và hơn 200 sư sãi các chùa ở Minh Lương và các chùa lân cận được sự chỉ đạo của cán bộ Đảng và hướng dẫn của cán bộ Khmer vận tỉnh, đã kéo đến tề xã Minh Hòa đấu tranh đòi thả các vị sư. Sáng 10-6-1974, gần 600 sư sãi và trên 2.000 quần chúng, phần đông là đồng bào Khmer, hình thành 4 đoàn, rầm rộ kéo ra Rạch Sỏi, về Rạch Giá để đấu tranh. Địch đàn áp đoàn biểu tình, làm chết 4 vị sư và 28 người khác bị thương. Trước sức đấu tranh mạnh mẽ và quyết liệt của sư sãi và đồng bào, địch buộc phải cho xe đưa 4 thi thể sư sãi về chùa Cù Là để làm lễ cầu siêu; hứa điều trị cho những người bị thương và thả các vị sư bị bắt. Từ ngày 13-6-1974, nhiều đoàn sư sãi cùng đồng bào Khmer các tỉnh Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng và Bạc Liêu rầm rộ kéo về Rạch Sỏi, đến chùa Cù Là, dự lễ cầu siêu, hưởng ứng đấu tranh; số lượng ngày càng đông, đến cả chục ngàn người... Cuộc đấu tranh kéo dài hơn 3 tháng,

đến khi địch chấp nhận các yêu sách mới kết thúc. Các cuộc đấu tranh giành được thắng lợi lớn, biểu dương được sức mạnh đoàn kết đồng bào các dân tộc trong tỉnh nói chung dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đồng bào Khmer đã kề vai, sát cánh với đồng bào Việt, Chăm, Hoa đấu tranh chống Mỹ - nguy cho đến ngày toàn thắng. Tất cả minh chứng tinh thần đoàn kết dân tộc và đấu tranh bất khuất của đồng bào Khmer An Giang (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang, 2007, tr.26, 32, 130, 132).

Sau ngày giải phóng, trong cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc, trước chính sách diệt chủng của Khmer đỏ, tỉnh An Giang thực hiện chủ trương bảo vệ đồng bào Khmer, đã chuyển hơn 70.000 người Khmer vùng Bảy Núi xuống vùng Sóc Trăng (tỉnh Hậu Giang). Cuộc di chuyển đầy khó khăn, vất vả trên chặng đường dài hàng trăm km. Chiến tranh biên giới kết thúc, hơn 50.000 người Khmer vùng Bảy Núi từ tỉnh Hậu Giang trở về, tỉnh An Giang đã bố trí nơi ăn ở, cấp ruộng đất canh tác; giúp đỡ, xây dựng nhà cửa; giao lại chùa chiền cho sư sãi... Tỉnh đã triển khai hàng loạt các chính sách, bảo đảm ổn định và phát triển đời sống kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc Khmer. Đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào ngày càng được cải thiện và nâng cao. Trong thời kỳ đổi mới, truyền thống đoàn kết, cùng nhau xây dựng, phát triển của đồng bào Khmer, Việt, Hoa, Chăm luôn được gìn giữ, phát huy (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang, 2010, tr.46, 50).

*Ba là, bác bỏ các luận điệu xuyên tạc chủ trương, chính sách đối với đồng bào dân tộc, trong đó có đồng bào Khmer*

Điều 5 Hiến pháp năm 2013 ghi rõ: “1. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống

trên đất nước Việt Nam. 2. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc. 3. Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình. 4. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước”.

Thực hiện nhất quán đường lối “các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng tiến bộ”, Đảng, Nhà nước ta đã ban hành hệ thống chính sách đầu tư, hỗ trợ đồng bộ, ưu tiên bố trí nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc Khmer. Cụ thể là: Chỉ thị số 68-CT/TW ngày 14-4-1991 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VI và Thông báo số 67-TB/TW ngày 14-3-2007 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa X về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer; Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; Kết luận số 57-KL/TW ngày 03-11-2009, của Bộ Chính trị về công tác dân tộc; Kết luận số 28-KL/TW ngày 14-8-2012 của Bộ Chính trị về Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng đồng bằng sông Cửu Long, thời kỳ 2011 - 2020 nhằm xây dựng tổng thể các chính sách ưu đãi riêng cho đồng bào dân tộc thiểu số ở đồng bằng sông Cửu Long, trọng tâm là đồng bào Khmer giai đoạn 2014 - 2020 và Chiến lược phát triển toàn diện đối với đồng bào dân tộc Khmer đến năm 2030, định hướng đến năm 2050... Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10-01-2018 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới. Chính phủ đã ban

hành trên 100 văn bản thực hiện các chủ trương của Đảng triển khai thực hiện trên địa bàn đồng bằng sông Cửu Long. Trong đó có 58 chính sách chung có liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số và 42 chính sách riêng đối với từng đồng bào dân tộc thiểu số; phê duyệt các chính sách, dự án quan trọng, toàn diện đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long nói chung, đối với đồng bào Khmer nói riêng.

Các chủ trương, chính sách được Đảng bộ, chính quyền tỉnh An Giang triển khai thực hiện cụ thể, phù hợp với sự phát triển của tỉnh, các huyện, xã có đông đồng bào Khmer sinh sống. Như đã triển khai Chương trình 134 thực hiện chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn; Chương trình 135 của giai đoạn I và giai đoạn II phát triển kinh tế - xã hội, các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi; Chính sách hỗ trợ về đất sản xuất và đất ở cho vùng đồng bào dân tộc Khmer theo Quyết định 74/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ... Tỉnh ủy đã ban hành các kế hoạch về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới: Kế hoạch số 54-KH/TU, ngày 12-6-2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang và Kế hoạch số 112/KH-TU ngày 10-4-2018 của Tỉnh ủy Kiên Giang về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới.

Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành các Nghị quyết thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn I (2021-2025). Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành thực hiện có hiệu quả trên các lĩnh vực, phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân (Chương trình hành động số 143/CTHD-UBND, ngày 22-3-2021

của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang và Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 11-9-2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)..., thể hiện sự quan tâm và tạo điều kiện để dân tộc Khmer giữ gìn bản sắc dân tộc, đoàn kết cùng phát triển với các dân tộc Việt, Hoa, Chăm trên địa bàn.

Các chính sách hỗ trợ vốn sản xuất, tín dụng ưu đãi, đào tạo nghề, xóa nhà tạm, nhà dột nát, cùng với việc đầu tư cơ sở hạ tầng đã góp phần thúc đẩy vùng đồng bào dân tộc Khmer ngày càng phát triển, đời sống của đồng bào được cải thiện rõ rệt: 65/65 xã vùng dân tộc thiểu số có đường ô tô đến trung tâm, 89,3% hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, 99,6% hộ sử dụng điện lưới quốc gia, 98% trẻ em trong độ tuổi đi học đến trường, 09 trường dân tộc nội trú, 47 điểm trường phổ thông thực hiện chương trình dạy tiếng Khmer cho học sinh, 100% trạm y tế xã vùng dân tộc thiểu số đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế đạt 98,32%, tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm còn 1,86% (2.869 hộ)\*...

Văn hóa - xã hội vùng đồng bào Khmer có nhiều chuyển biến tích cực. Các lễ hội truyền thống dân tộc Khmer được duy trì và mở rộng quy mô tổ chức. Hàng năm, đồng bào Khmer có nhiều lễ hội như: Lễ hội Cholchnamthmay, Lễ Sene Đôn ta, Lễ hội Okombok... tạo không khí vui tươi phấn khởi. Vào dịp lễ tết, các cấp

\* Theo Báo cáo số 282/BC-UBND ngày 06-6-2025 của UBND tỉnh Kiên Giang đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang nhiệm kỳ 2020-2025, trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.

chính quyền, đoàn thể đều tổ chức thăm hỏi, chúc mừng sư sãi, đồng bào Phật tử ở các chùa và hỗ trợ vật chất, tinh thần cho đồng bào Khmer. Đặc biệt, Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch của đồng bào dân tộc Khmer được định kỳ tổ chức với nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, trưng bày triển lãm; thi giãn thủy lục; hội chợ thương mại... Ấn tượng nhất là hoạt động thi đấu ghe ngo truyền thống trên sông Cái Lớn, lễ hội đua bò Bảy Núi.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững, an ninh biên giới được bảo đảm. Công tác xây dựng Đảng trong vùng đồng bào được các cấp ủy quan tâm. Hệ thống chính trị ngày càng được củng cố, kiện toàn. Đội ngũ cán bộ, đảng viên là người dân tộc Khmer ngày càng phát triển: có 5.206 đảng viên; 360 cấp ủy viên (có 01 Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ XI); 2 Đại biểu Quốc hội; 535 Đại biểu Hội đồng nhân dân; đội ngũ cán bộ đảng viên người Khmer phát huy tốt năng lực trong công tác, góp phần nâng cao đời sống, phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào dân tộc Khmer\*

## **2.2. Một số giải pháp đấu tranh đập tan âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc**

Đấu tranh với các âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc để chống phá cách mạng trên địa bàn tỉnh An Giang, trong thời gian tới cần tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các nội dung sau:

*Một là*, thường xuyên tuyên truyền sâu rộng về lịch sử vùng đất Nam Bộ, lịch sử di tích khảo cổ Óc Eo - Ba Thê, lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất An Giang. Tăng cường bài viết trên các phương tiện truyền thông đại chúng, nhất là trên các nền tảng mạng xã hội và giáo dục ngoại khóa trong trường học. Nội dung cần làm rõ tiến trình lịch sử và quá trình xác lập chủ quyền, xác lập vùng đất Nam Bộ của Việt Nam.

Trong đó, cần nhấn mạnh lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất An Giang, lịch sử tụ cư và tinh đoàn kết của các dân tộc Việt, Khmer, Hoa, Chăm cùng nhau chinh phục thiên nhiên, khai hoang mở đất và đấu tranh chống xâm lược, bảo vệ quê hương. Tăng cường tuyên truyền các quan điểm, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước Việt Nam và quá trình, kết quả triển khai thực hiện của Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể các cấp của tỉnh An Giang. Qua đó, nâng cao nhận thức của đồng bào các dân tộc, nhất là đồng bào dân tộc Khmer, giúp đồng bào nhận diện rõ các âm mưu, thủ đoạn xuyên tạc, gây chia rẽ, chống phá của các thế lực thù địch, phản động.

*Hai là*, xây dựng hệ thống chính trị vùng đồng bào dân tộc Khmer vững mạnh, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, người có uy tín tiêu biểu. Nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và người có uy tín trong cộng đồng vận động đồng bào các dân tộc tin tưởng vào đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thúc đẩy tích cực, ý chí tự lực, tự cường của đồng bào phát triển kinh tế - xã hội.

*Ba là*, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp, thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện tốt chính sách giảm nghèo bền vững gắn với giải quyết cơ bản vấn đề đất ở, đất sản xuất, nước

\* Theo Báo cáo số 626/BC-UBND ngày 20-7-2023 của UBND tỉnh An Giang sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10-01-2018 Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh An Giang và Báo cáo số 19/BC-UBND ngày 12-01-2023 của UBND tỉnh Kiên Giang sơ kết 04 năm thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10-01-2018 của Ban Bí thư (khóa XII) về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới, trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

sinh hoạt, công trình thủy lợi, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; đào tạo nghề và giải quyết việc làm; vay vốn phát triển sản xuất, hỗ trợ đầu tư phát triển ngành nghề truyền thống. Quan tâm khai thác tốt thiết chế văn hóa ở cơ sở, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, các lễ hội văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Khmer. Đây mạnh việc dạy và học chữ, tiếng Khmer. Quan tâm chăm lo công tác giáo dục, nâng cao trình độ dân trí trong đồng bào dân tộc Khmer, đầu tư nhiều hơn trong công tác giáo dục đào tạo con em đồng bào dân tộc, mở rộng chính sách cử tuyển, dự bị đại học cho học sinh người dân tộc. Thực hiện hiệu quả chương trình y tế quốc gia, phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em, bảo đảm vệ sinh môi trường, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc Khmer.

Bốn là, các cơ quan, tổ chức, lực lượng chuyên trách chủ động nhận diện, phát hiện kịp thời và có biện pháp đấu tranh hiệu quả, làm thất bại mọi thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động lợi dụng vấn đề dân tộc trên địa bàn tỉnh để chống phá khối đoàn kết dân tộc, chống phá cách mạng. Bằng các luận cứ khoa học và sự thật lịch sử, cơ quan, tổ chức, lực lượng chuyên trách cần đi đầu trong đấu tranh, vạch trần các âm mưu, thủ đoạn; phản bác các luận điệu xuyên tạc, bóp méo sự thật của các thế lực thù địch.

Tăng cường giáo dục nhân dân nêu cao tinh thần cảnh giác, chủ động, kịp thời phát hiện các thủ đoạn kích động, gây chia rẽ, lôi kéo đồng bào, đưa ra xử lý công khai với những hình phạt nghiêm minh những hành vi vi phạm pháp luật. Bảo đảm quốc phòng, an ninh và giữ vững ổn định chính trị trật tự an toàn xã hội vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc.

### 3. Kết luận

Đồng bào Khmer là một trong bốn dân tộc chủ yếu ở An Giang. Đồng bào Khmer An

Giang với đặc điểm ở dọc, gần biên giới nên có quan hệ mật thiết với người Khmer ở Campuchia, tương đồng rất lớn về văn hóa, tôn giáo, có mối quan hệ thân tộc. Trong suốt chiều dài lịch sử của tỉnh An Giang, vấn đề liên quan dân tộc Khmer gắn với lịch sử vùng đất Nam Bộ (trong đó có tỉnh An Giang) là trọng tâm mà các thế lực thù địch, phản động lợi dụng để chia rẽ, kích động chống phá sự nghiệp cách mạng. Vì vậy, việc nhận diện âm mưu lợi dụng, quan điểm sai trái, thù địch để chủ động trong đấu tranh, phản bác là một nhiệm vụ thường xuyên □

*Ngày nhận bài: 05-8-2025;*

*Ngày bình duyệt: 20-01-2026;*

*Ngày duyệt đăng: 24-4-2026.*

*Email tác giả: thanhnhlanlongxuyen@gmail.com*

#### **Tài liệu tham khảo:**

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang (2002). *Lịch sử Đảng bộ tỉnh An Giang 1927-1954. (Tập 1).*

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang (2007). *Lịch sử Đảng bộ tỉnh An Giang 1954-1975. (Tập 2).*

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang (2010). *Lịch sử Đảng bộ tỉnh An Giang 1975-2005. (Tập 3).*

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Kiên Giang (2015). *Kiên Giang kháng chiến chống Pháp 1930-1954.* Nxb Hồng Đức.

Lương Ninh, Đỗ Thanh Bình, Trần Thị Vinh (2005). *Lịch sử Đông Nam Á,* Nxb Giáo dục.

Sơn Nam (2006). *Tìm hiểu Đất Hậu Giang và Lịch sử Đất An Giang,* Nxb Trẻ.

Trương Hữu Quýnh, Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn (2009). *Đại cương Lịch sử Việt Nam Toàn tập,* Nxb Giáo dục.

Quốc hội: Nghị quyết 202/2025/QH15, ngày 12-6-2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.